

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 26/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lên

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Dung -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kiến Tường tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trọng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị S, sinh năm 1958; địa chỉ: Nhà số I, đường L, Khu phố D, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1976 và bà Tô Thị M, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ: Nhà số F, Quốc lộ F, Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lâm Thị S, các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lâm Thị S trình bày: Vào ngày 18/3/2022 vợ chồng ông T, bà M có vay bà S số tiền 500.000.000 đồng, khi vay vợ chồng ông T, bà M có thể chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CT 577636, thửa đất số 1514, đất ở tại đô thị; số CT 577642, thửa đất số 274, đất nuôi trồng thủy sản; số CT 577638, thửa đất số 1532, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại phường B, thị xã K, tỉnh Long An. Khi thế chấp có làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ, thời hạn vay: 24 tháng; lãi suất 1,6%/tháng. Hàng tháng ông T, bà M trả cho bà S 20.800.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Từ ngày vay đến ngày 19/6/2022, vợ chồng bà M, ông T trả bà S trả được 47.600.000 đồng gốc và 15.700.000 đồng tiền lãi ngưng không trả nữa, đã nhiều lần bà S yêu cầu ông T và bà M tiếp tục trả nợ theo hợp đồng nhưng ông T và bà M không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, bà S khởi kiện ra tòa án yêu cầu ông T, bà M trả số tiền gốc còn lại là 452.400.000 đồng và tiền lãi tính từ

ngày 19/5/2022 đến nay với mức lãi suất ghi trong hợp đồng là 1,6%/tháng trả một lần trong thời hạn sớm nhất. Ngoài ra, bà S không yêu gì thêm.

Bị đơn bà Tô Thị M trình bày: Bà M thừa nhận vợ chồng bà có vay bà S số tiền 500.000.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 577636, thửa đất số 1514, đất ở tại đô thị; số CT 577642, thửa đất số 274, đất nuôi trồng thủy sản; số CT 577638, thửa đất số 1532, đất chuyên trồng lúa nước, tại văn phòng C. Nay bà S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả tiền gốc là 452.400.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19/5/2022 đến nay với mức lãi suất ghi trong hợp đồng là 1,6%/tháng bà đồng ý trả theo yêu cầu của bà S, nhưng xin bà S cho trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng đến khi hết nợ, ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Sau khi nhận đơn khởi kiện của bà Lâm Thị S, Tòa án đã ra thông báo thụ lý số 105/2022/TLST-DS ngày 08/11/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 97/TB-TA ngày 15/11/2022; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 02/TB-TA ngày 17/02/2023 đã tổng đạt hợp lệ cho ông Lê Thanh T nhưng ông T vắng mặt nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Do vụ án có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất vì vậy theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm Kiểm sát viên phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án dân sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án dân sự nhận thấy:

Bà S yêu cầu ông T bà M trả cho bà tiền vay gốc 452.400.000đ là có cơ sở vì: Căn cứ vào hợp đồng thế chấp ngày 18/3/2022 ông T bà M có ký tên vào hợp đồng tại văn phòng C nhưng đến nay chưa trả. Hiện nay phía ông T bà M cũng thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/3/2022 và còn nợ bà S một khoản tiền. Do đó, bà S yêu cầu ông T bà M liên đới trả nợ gốc 452.400.000đ là có căn cứ xem xét theo quy định tại Điều 288, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền lãi suất bà S yêu cầu tính 1,6%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 19/5/2022 đến ngày đưa vụ án ra xét xử là 14 tháng 14 ngày là 104.715.520 đồng là có cơ sở một phần vì căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 18/3/2022 thì hai bên có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả tiền nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn theo qui định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự. Do đó, phía bị đơn phải chịu lãi suất từ khi vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là từ ngày 19/5/2022 đến nay theo mức lãi suất do hai bên tự thỏa thuận hoặc do nhà nước qui định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về phần lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bị đơn yêu cầu được trả nợ dần hàng tháng 15.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng bên nguyên đơn không đồng ý và pháp luật cũng

không có quy định việc trả nợ dần nên yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ xem xét theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của bà S là có căn cứ xem xét chấp nhận theo quy định Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Lâm Thị S, sinh năm 1958; địa chỉ: Nhà số I, đường L, Khu phố D, Phường A, thị xã K, tỉnh Long An khởi kiện ông Lê Thanh T, sinh năm 1976 và bà Tô Thị M, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ: Nhà số F, Quốc lộ F, Khu phố F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo dời ngày xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố Tụng dân sự, nhưng ông T không có mặt. Do đó Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Lâm Thị S yêu cầu ông Lê Thanh T và bà Tô Thị M liên đới trả số tiền gốc và lãi được xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa bà Lâm Thị S khởi kiện đối với ông Lê Thanh T và bà Tô Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc vay là 452.400.000 đồng và tiền lãi từ ngày 19/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo hợp đồng là 1.6%/tháng cụ thể như sau: $452.400.000 \times 01 \text{ năm } 02 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 104.715.520$ đồng, tổng cộng gốc, lãi là 557.115.520 đồng. Xét thấy, yêu cầu của bà Lâm Thị S là hoàn toàn tự nguyện, có chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 93, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời được bà M thừa nhận nợ đồng ý trả nợ. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị S buộc ông Lê Thanh T và bà Tô Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị S số tiền tổng cộng gốc, lãi là 557.115.520 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 của Bộ luật dân sự.

[2] Tại phiên tòa bà Tô Thị M thừa nhận nợ, đồng ý liên đới cùng ông Lê Thanh T trả cho bà Lâm Thị S số tiền tổng cộng gốc, lãi là 557.115.520 đồng, nhưng xin bà S cho trả dần mỗi tháng 15.000.000 đồng đến khi tắt nợ vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn. Xét thấy yêu cầu xin trả dần của bà M không được bà S không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[3] Đối với hợp đồng thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CT 577636, thửa đất số 1514, đất ở tại đô thị; số CT 577642, thửa đất số 274, đất nuôi trồng thủy sản; số CT 577638, thửa đất số 1532, đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại phường B, thị xã K, tỉnh Long An tại văn phòng C ngày 18 tháng 3 năm 2022, nhưng hai bên không tiến hành đến Văn phòng Đăng ký đất đai để đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc ông Lê Thanh T và Tô Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 288 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị S đối với ông Lê Thanh T và Tô Thị M.

Xử buộc ông Lê Thanh T và Tô Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lâm Thị S số tiền tổng cộng gốc, lãi là 557.115.520 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu một trăm mười lăm ngàn năm trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Lê Thanh T và Tô Thị M phải thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu 26.284.600 đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Kiên Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiên Tường;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Văn Út

